UBND TỈNH QUẢNG NGÃI **BAN DÂN TỘC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 578/BC-BDT	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 9 năm 2021*

BÁO CÁO
Kết quả rà soát các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch về lĩnh vực công tác dân tộc

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1720/SKHĐT-TH ngày 25/8/2021 về việc tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch do tỉnh ban hành; theo nhiệm vụ được phân công tại Điểm 3, Công văn số 7107/UBND-TH ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh, Ban Dân tộc tỉnh báo cáo kết quả rà soát các cơ chế, chính sách, đề án, kế hoạch về lĩnh vực công tác dân tộc như sau:

I. Chính sách hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho hộ nghèo, thôn, xã, huyện thoát nghèo ở vùng miền núi của tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020

1. Kết quả đạt được

Chính sách này bắt đầu thực hiện từ năm 2017, theo báo cáo của UBND các huyện, kết quả thực hiện như sau:

a/ Kết quả về hộ nghèo đã thoát nghèo

- Số hộ nghèo đã thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo trong 02 năm liên tục 2016 - 2017 đã thụ hưởng chính sách năm 2018 là 1.535 hộ, chiếm tỷ lệ 5,49% so với tổng số hộ nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2015. Trong đó:

+ Số hộ nghèo đã được công nhận thoát nghèo liên tục trong 02 năm 2016-2017 đã thụ hưởng chính sách là 1.535 hộ. Trong đó, số hộ được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt (10 triệu đồng): 1.535 hộ, chiếm tỷ lệ 96,9% so với kế hoạch; số hộ đã được UBND xã, thị trấn tặng Giấy khen là 615 hộ, chiếm tỷ lệ 40,06%; số hộ đã được UBND huyện tặng Giấy khen là 68 hộ, chiếm tỷ lệ 4,42%.

+ Số trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông đã được hỗ trợ chi phí học tập (hộ nghèo đã được công nhận thoát nghèo liên tục trong 02 năm 2016-2017) được thụ hưởng chính sách là 2.639 em, chiếm tỷ lệ 91,47% so với tổng số trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông thuộc đối tượng được hưởng chính sách này theo kế hoạch được phê duyệt với định mức hỗ trợ là 100.000đồng/tháng hỗ trợ 09 tháng/năm học.

- ***Số hộ nghèo đã thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2017 – 2018 nhưng chưa có kinh phí thực hiện:*** *(Ban Dân tộc đã đề nghị phân bổ kinh phí tại văn bản số 280/BDT-CSDT ngày 25/5/2020 gửi Sở Tài*

Chính tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí nhưng đến nay chưa phân bổ kinh phí)

+ Hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm (2017-2018) đề nghị được thụ hưởng chính sách năm 2019: 1.886 hộ.

+ Hỗ trợ chi phí học tập đối với con của hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo liên tục trong 2 năm (2017-2018): 1.707 em.

+ Năm 2019, tiếp tục thực hiện hỗ trợ chi phí học tập cho 1.176 em là con của hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo đã thụ hưởng chính sách này trong năm 2018 và của hộ chưa thụ hưởng chính sách này năm 2018.

+ Số hộ nghèo đã thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm 2016-2017 chưa thực hiện năm 2018(vì huyện rà soát thiếu): 40 hộ.

b/ Kết quả về hộ cận nghèo đã thoát cận nghèo

- Số hộ cận nghèo đã thoát cận nghèo 2 năm liên tục 2016 - 2017 là 2.121 hộ, chiếm tỷ lệ 27,54% so với tổng số hộ cận nghèo vùng DTTS và miền núi tại thời điểm cuối năm 2015. Trong đó:

+ Số hộ cận nghèo đã được công nhận thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm 2016 - 2017 là 2.121 hộ. Trong đó, số hộ được hỗ trợ một lần bằng tiền mặt *(05 triệu đồng)* là 2.121 hộ, chiếm tỷ lệ 97,29% so với kế hoạch; số hộ đã được UBND xã, thị trấn tặng Giấy khen là 1.130 hộ, chiếm tỷ lệ 53,27 %; số hộ đã được UBND huyện tặng Giấy khen là 59 hộ, chiếm tỷ lệ 2,78%

- Số hộ cận nghèo đã thoát cận nghèo 02 năm liên tục 2017 – 2018 nhưng chưa có kinh phí thực hiện: (*Ban Dân tộc đã đề nghị phân bổ kinh phí tại văn bản số 280/BDT-CSDT ngày 25/5/2020 gửi Sở Tài Chính tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí nhưng đến nay chưa phân bổ kinh phí)*

+ Số hộ cận nghèo đã thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm 2017-2018: 2.383 hộ.

+ Số hộ cận nghèo đã thoát cận nghèo liên tục trong 02 năm 2016-2017 chưa thực hiện năm 2018 (vì huyện rà soát thiếu): 50 hộ.

c/ Kết quả về thôn, tổ dân phố đặc biệt khó khăn đã được công nhận thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn: Trên địa bàn tỉnh không có thôn thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐND để thụ hưởng chính sách này.

d/ Kết quả về xã đặc biệt khó khăn đã được công nhận thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn: Trên địa bàn tỉnh không có xã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐND để thụ hưởng chính sách này.

e/ Kết quả về huyện đã được công nhận thoát nghèo

Năm 2018, Huyện Sơn Hà được Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện thoát nghèo tại Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 7/3/2018. Trên cơ sở đề xuất của UBND huyện Sơn Hà, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh và Sở Tài chính, UBND tỉnh đã phân khai kinh phí 10 tỷ đồng để khen thưởng cho huyện thoát nghèo tại Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018.

UBND huyện Sơn Hà đã quyết định đầu tư xây dựng 02 công viên văn hóa tại xã Sơn Linh và xã Sơn Kỳ (mỗi dự án 05 tỷ đồng) và đã thực hiện hoàn thành.

Ngoài ra, trong năm 2018, huyện Sơn Hà đã được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen vì đã có thành tích thoát nghèo (Quyết định số 1348/QĐ-TTg ngày 11/10/2018).

2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện và đề xuất hướng giải quyết.

a/ Khó khăn, vướng mắc.

- *Đối với UBND cấp huyện:* Công tác tuyên truyền của các địa phương còn hạn chế, nhiều địa phương chưa gắn kết chặt chẽ với cơ chế, giải pháp giảm nghèo bền vững, chưa tạo động lực lớn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo hưởng ứng, thi đua thoát nghèo để hưởng chính sách. Việc rà soát, phê duyệt danh sách đối tượng thụ hưởng còn xảy ra thiếu sót, phải điều chỉnh, bổ sung.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy Đảng và UBND chưa sâu sát và kịp thời, sự phối hợp giữa chính quyền và Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể chính trị-xã hội trong công tác tuyên truyền chưa có hiệu quả cao.

- Tính kịp thời còn thấp nên hiệu quả tác động của Chính sách chưa cáo.

- Các địa phương còn chậm trong việc cung cấp thông tin, tài liệu theo đề nghị của Sở Tài chính để thẩm định và trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí. Năm 2018, các địa phương chưa gắn kết việc biểu dương khen thưởng hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo với hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo; một số địa phương không thực hiện việc tặng Giấy khen của Chủ tịch cấp huyện, cấp xã theo quy định.

- *Đối với Ban Dân tộc:* Chưa tổ chức kiểm tra riêng đối với việc thực hiện chính sách này ở các địa phương mà chỉ kết hợp kiểm tra chung trong các đợt kiểm tra tình hình thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

- *Đối với các Sở, Ngành:* Trong quá trình triển khai thực hiện chính sách chưa có sự thống nhất giữa các sở ngành về việc xác định thời gian công nhận hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo 02 năm liên tục và công nhận hộ thoát cận nghèo 02 năm liên tục. Ban Dân tộc tỉnh đã tích cực, chủ động tổ chức nhiều cuộc họp với các sở ngành và địa phương để tham mưu UBND tỉnh giải quyết nhưng đến nay chính sách này vẫn chưa được phân bổ kinh phí để thực hiện. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND, Sở Nội vụ chưa hướng dẫn việc thực hiện biểu dương, khen thưởng đối với hộ gia đình, thôn, xã, huyện thoát nghèo.

3. Kiến nghị

Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách này, trong đó điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

- Xác định thời gian: Hộ thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo; hộ thoát cận nghèo năm 2016 (được UBND xã phê duyệt cuối năm 2016) thì năm 2017 họ không được hưởng chính sách hộ nghèo là được 01 năm; năm 2017 họ không tái nghèo, tái cận nghèo (được UBND xã phê duyệt cuối năm 2017) thì năm

2018 họ tiếp tục không được hưởng chính sách hộ nghèo, như vậy là được 02 năm liên tục.

2. Tính tại thời điểm cuối năm 2020 (đã có kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo), đối với những hộ đã hỗ trợ sai, nhưng những hộ này thoát 02 năm liên tục (2017 - 2018) mà sau đó không tái nghèo, tái cận nghèo thì hợp lệ. Những trường hợp hỗ trợ sai khác phải thu hồi kinh phí đã hỗ trợ.

II. Đề án 1898 "hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018-2025" theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 12/02/2018

1. Kết quả đạt được (*Riêng đối với Ban Dân tộc*)

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 279/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 về việc thực hiện Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số, giai đoạn 2018-2021" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Ban Dân tộc tỉnh phối hợp với UBND các huyện tổ chức các lớp tập huấn cho người dân vùng DTTS và MN, in tờ gấp, sổ tay tuyên truyền, đưa tin phóng sự trên Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh công tác tuyên truyền thực hiện bình đẳng giới vùng DTTS bằng 3 thứ tiếng: Kinh, Hrê, Co.

- Địa phương (UBND các huyện miền núi): Đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật về bình đẳng giới, chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện theo Đề án 1898/QĐ-TTg, đồng thời đã lồng ghép một số chính sách, chương trình khác để tổ chức hội thi, tuyên truyền cho người dân.

- Số lượng mô hình về bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, địa bàn vùng DTTS đã thực hiện: xây dựng 05 mô hình Câu lạc bộ Bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới tại huyện Minh Long, Trà Bồng, Sơn Tây có 235 chị tham gia.

2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện

a. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tỉnh ủy, sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương nên việc triển khai thực hiện Đề án " Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số" giai đoạn 2018-2021 bước đầu đạt được nhiều kết quả.

- Nhận thức của cán bộ, công chức, đảng viên và nhân dân về tác hại của bất bình đẳng giới, bạo lực gia đình được nâng lên; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai đồng bộ, thường xuyên; công tác phối hợp trong việc xử lý các công dân vi phạm ở các địa phương được chặt chẽ, quyết liệt hơn. Tình trạng xảy ra bạo lực gia đình qua các năm giảm đáng kể đạt được mục tiêu Đề án đề ra.

- Đội ngũ cán bộ nữ có sự chuyển biến cả về số lượng và chất lượng, công tác cán bộ nữ được quan tâm quy hoạch, bổ nhiệm nữ vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, của sở, ngành, địa phương; tỷ lệ nữ tham gia Ban chấp hành, Ban Thường vụ, Hội đồng nhân dân các cấp, Đại biểu Quốc hội nhiệm kỳ sau cao hơn nhiệm kỳ trước.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ được quan tâm, trong đó bổ sung các chính sách an sinh xã hội, tăng số phụ nữ được hưởng lợi, nhất là phụ nữ nghèo, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng hải đảo...

- Vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được khẳng định trên các lĩnh vực, bản thân người phụ nữ cũng tích cực phấn đấu, tự vươn lên để xóa bỏ định kiến phân biệt đối xử về giới.

- Các vụ việc bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện và xử lý nghiêm góp phần thúc đẩy mạnh mẽ hơn về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ trên địa bàn tỉnh. Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật về bình đẳng giới được đẩy mạnh; công tác phối hợp liên ngành được chú trọng góp phần hoàn thành tốt các chỉ tiêu, mục tiêu về bình đẳng giới đã đề ra.

b. Khó khăn

- Tư tưởng định kiến giới còn tồn tại khá phổ biến trong nhân dân, kể cả trong một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức.

Việc lồng ghép yếu tố giới vào công tác chuyên môn chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật.

- Trong gia đình người chồng vẫn còn đậm nét gia trưởng, người phụ nữ chỉ biết đến các công việc lặt vặt trong nhà, còn việc lớn thì người phụ nữ không được phép nghe và bàn bạc, mà chỉ người chồng tự quyết định.

- Hiện nay một số gia đình người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng miền núi vẫn còn tập tục tảo hôn ở lứa tuổi vị thành niên, nên ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, đời sống của những em gái, bất bình đẳng.

- Tình trạng bạo lực trên cơ sở giới mà đối tượng chịu tác động chính là phụ nữ vẫn còn xãy ra ở một số địa phương.

- Định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân (nhất là vùng nông thôn, vùng miền núi) gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới tại địa phương.

- Nguồn kinh phí chi cho hoạt động bình đẳng giới vẫn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra, dẫn tới hoạt động ở một số đơn vị, địa phương còn mang tính hình thức, hiệu quả còn thấp.

3. Kiến nghị

- Hàng năm, cần bố trí nguồn kinh phí để phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bình đẳng giới và hỗ trợ kinh phí để khuyến khích người phụ nữ, nhất là phụ nữ người ĐBDTTS được tham gia đầy đủ các chương trình tập huấn hay các lớp học liên quan đến quyền lợi của chính họ.

- Cần xây dựng các sản phẩm truyền thông để tuyên truyền thay đổi dần các phong tục tập quán như: Xây dựng các pa nô tuyên truyền, chiếu phim lưu động, thành lập các tổ tuyên truyền tại huyện.

- Hỗ trợ kinh phí để xây dựng các câu lạc bộ như: Câu lạc bộ gia đình văn hóa, câu lạc bộ phòng chống bạo lực gia đình,… cho các huyện miền núi có số đông đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống.

- Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn giảng viên nguồn, báo cáo viên nguồn ở các tỉnh để tạo nguồn phối hợp, hỗ trợ tổ chức thực hiện Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2022-2025.

III. Đề án cấp không thu tiền một số mặt hàng thiết yếu cho đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng miền núi của tỉnh nhân dịp tết nguyên đán, giai đoạn 2019-2025 theo Quyết định số 951/QĐ-UBND ngày 09/11/2018

1. Kết quả đạt được

Qua 03 năm thực hiện (2019-2021), đã cấp cho 591.064 lượt khẩu/156.092 lượt hộ với kinh phí 28,06 tỷ đồng, cấp đúng đối tượng, đúng định mức, các mặt hàng đảm bảo chất lượng; người dân phấn khởi.

2. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện: Không có

3. Kiến nghị: Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án này trong giai đoạn 2022-2025.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Ban Dân tộc tỉnh báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lãnh đạo Ban;
- Các Phòng thuộc Ban;
- Lưu: VT, KHTH.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN DÂN TỘC

Nguyễn Thế Nhân